

HOA NÔNG NỮ CHÔ

Bữa ăn :Ăn Chính
Nỗ tuổi :Mau giao
Tổng số trẻ :320

Sang : Cháo ech mỗp hõng nam ca rot
Sõa grow
Trõa : Cõm ca ba sa ap cháo sot chanh day
hanh tay
Canh nõu nõu tom kho thõt heo nạc ngo gai
Mon luoc: cãi thao
Xe: Banh plan
Xe chieu:Nui thõt tom tõi nam mỗp ca rot
cũ san

Số Tiền Trên Mỗi Trẻ 36992				
STT	Tên thức phẩm	Khối lượng(g)	Nhân gia(đ/100g)	Thanh tiền(đ)
	*CHÔ			
1	Rạm (muoi)	3,000	1,060	31,800
2	Tom kho	200	78,100	156,200
3	Chanh day*	3,500	5,150	180,250
4	Tom bien	3,600	34,970	1,258,920
5	Cà ba sa	12,000	13,550	1,626,000
6	Nõoc mãm Cà (loại 1)	3,000	6,160	184,800
7	Dầu thảo mộc	3,000	6,280	188,400
8	Nõong cat	4,000	3,880	155,200
9	Dầu mè	1,000	3,870	38,700
10	Xì dầu	1,000	990	9,900
11	Gạo tẻ máy	24,000	2,630	631,200
12	Hanh lã	1,500	8,400	126,000
13	Hanh củ tõi	1,000	6,300	63,000
14	Cà rot	5,000	5,670	283,500
15	Cải thảo*	3,000	6,510	195,300
16	Rau mùi tau (ngo gai)	100	6,510	6,510
17	Hanh tay	1,000	3,570	35,700
18	Mỗp	4,000	4,520	180,800
19	Nam rỏm	1,000	14,180	141,800
20	Nũ nõu xanh	10,000	3,680	368,000
21	Cũ san , củ mì	1,000	2,520	25,200
22	Banh plan	32,000	6,770	2,166,400
23	Nui	8,000	3,060	244,800
24	Thõt lỏn nạc	7,200	17,850	1,285,200
25	Thõt ech	3,000	27,300	819,000
Cong				10,402,580
	*XUẤT KHO			
26	Sõa bot Abbot Grow	7,000	20,500	1,435,000
Cong				1,435,000
Tổng tiền thức phẩm				11,837,580 đ
Chi phí khác				0(đ)
Tiền nõoc chi trong ngày				11840000(đ)
Số đồ nấu ngày				0(đ)
Số đồ cuối ngày				2420(đ)
Xuất ăn luy kê tõ nõu thang				
Tiêu chuẩn luy kê tõ nõu thang				
Tiền chi luy kê tõ nõu thang				